BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP và Nghị định số 373/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

"4. Người nộp phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"**Điều 6. Kê khai, nộp phí, lệ phí của tổ chức thu**

Tổ chức thu phí, lệ phí nộp 100% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu phí, lệ phí khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC như sau:

"1. Phí cung cấp dịch vụ viễn thông

Hàng năm, doanh nghiệp có phát sinh doanh thu dịch vụ viễn thông thuộc loại nào có trách nhiệm nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy mô doanh thu dịch vụ viễn thông loại đó của năm trước liền kề theo mức thu phí cụ thể như sau:

Số TT	**Mức doanh thu**	**Mức thu** (năm)
1	Dưới 20 tỷ đồng	50 triệu đồng
2	Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	250 triệu đồng
3	Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	400 triệu đồng
4	Từ 100 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	700 triệu đồng
5	Từ 500 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	1 tỷ đồng
6	Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng	2 tỷ đồng

Số TT	Mức doanh thu	Mức thu (năm)
7	Từ 2.000 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng	3 tỷ đồng
8	Từ 3.000 tỷ đồng đến dưới 4.000 tỷ đồng	4 tỷ đồng
9	Từ 4.000 tỷ đồng đến dưới 5.000 tỷ đồng	5 tỷ đồng
10	Từ 5.000 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng	6 tỷ đồng
11	Từ 6.000 tỷ đồng đến dưới 7.000 tỷ đồng	7 tỷ đồng
12	Từ 7.000 tỷ đồng đến dưới 8.000 tỷ đồng	8 tỷ đồng
13	Từ 8.000 tỷ đồng đến dưới 9.000 tỷ đồng	9 tỷ đồng
14	Từ 9.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng	10 tỷ đồng
15	Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 12.000 tỷ đồng	28 tỷ đồng
16	Từ 12.000 tỷ đồng đến dưới 14.000 tỷ đồng	46 tỷ đồng
17	Từ 14.000 tỷ đồng đến dưới 16.000 tỷ đồng	64 tỷ đồng
18	Từ 16.000 tỷ đồng đến dưới 18.000 tỷ đồng	82 tỷ đồng
19	Từ 18.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng	100 tỷ đồng
20	Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 25.000 tỷ đồng	125 tỷ đồng
21	Từ 25.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng	150 tỷ đồng
22	Từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 35.000 tỷ đồng	175 tỷ đồng
23	Từ 35.000 tỷ đồng đến dưới 40.000 tỷ đồng	200 tỷ đồng
24	Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 45.000 tỷ đồng	225 tỷ đồng
25	Từ 45.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng	250 tỷ đồng
26	Từ 50.000 tỷ đồng trở lên	300 tỷ đồng

Doanh thu dịch vụ viễn thông được phân chia theo 04 loại tương ứng với 04 loại mạng viễn thông công cộng, bao gồm:

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định mặt đất;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động vệ tinh."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 7 của Thông tư số 52/2025/TT-BTC.

3. Trường hợp các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục CST (b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC
(Kèm theo công văn số 4121/BTC-CST ngày 03/4/2026 của Bộ Tài chính)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 7595/BKHCN-CVT ngày 12/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ và công văn số 366/CVT-KT ngày 29/01/2026 của Cục Viễn thông đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông (sau đây gọi chung là Thông tư 52).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Căn cứ Luật Phí và lệ phí, Luật Viễn thông năm 2023 và trên cơ sở đề án đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 52, trong đó quy định phí cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Hàng năm, doanh nghiệp có phát sinh doanh thu dịch vụ viễn thông thuộc loại nào có trách nhiệm nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy mô doanh thu dịch vụ viễn thông loại đó của năm trước liền kề theo mức thu phí cụ thể như sau:

Số TT	***Mức doanh thu***	***Mức thu*** *(năm)*
1	*Dưới 20 tỷ đồng*	*50 triệu đồng*
2	*Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng*	*250 triệu đồng*
3	*Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng*	*400 triệu đồng*
4	*Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng*	*01 tỷ đồng*
5	*Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng*	*10 tỷ đồng*
6	*Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng*	*100 tỷ đồng*
7	*Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng*	*150 tỷ đồng*
8	*Từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 40.000 tỷ đồng*	*200 tỷ đồng*
9	*Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng*	*250 tỷ đồng*
10	*Từ 50.000 tỷ đồng trở lên*	*300 tỷ đồng*

Doanh nghiệp xác định doanh thu dịch vụ viễn thông của năm trước liền kề làm căn cứ tính phí theo quy định tại Biểu trên theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Theo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ thì khoảng cách giữa các bậc thu theo bảng mức thu phí tại Thông tư 52 nêu trên còn khá rộng (đặc biệt là nhóm doanh nghiệp có bậc doanh thu ở mức trung bình - nhóm bậc 5 và 6 từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng/năm phải nộp 10 tỷ đồng hoặc 100 tỷ đồng/năm), dẫn tới trong cùng một khung thu phí, có doanh nghiệp sẽ phải nộp cùng một mức với doanh nghiệp có doanh thu lớn hơn nhiều lần trong cùng một khung/bậc là chưa đảm bảo công bằng.

Do vậy, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công bằng hơn giữa các doanh nghiệp có mức doanh thu dịch vụ viễn thông khác nhau thì việc sửa đổi quy định về bậc doanh tại Thông tư 52 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Việc ban hành Thông tư bảo đảm xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật phí, lệ phí; pháp luật chuyên ngành viễn thông, quản lý thuế và ngân sách nhà nước.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Thông tư có tên gọi: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Dự thảo Thông tư không có nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (vì là Thông tư sửa đổi, bổ sung).

2. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 02 Điều: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 52 (Điều 1) và Hiệu lực thi hành (Điều 2).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

3.1. Về phí quyền hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông

a) Quy định tại Thông tư 52

Tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 52 quy định về phí quyền hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

"Hàng năm, doanh nghiệp có phát sinh doanh thu dịch vụ viễn thông thuộc loại nào có trách nhiệm nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy mô doanh thu dịch vụ viễn thông loại đó của năm trước liền kề theo mức thu phí cụ thể như sau:

Số TT	***Mức doanh thu***	***Mức thu*** *(năm)*
1	*Dưới 20 tỷ đồng*	*50 triệu đồng*
2	*Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng*	*250 triệu đồng*
3	*Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng*	*400 triệu đồng*
4	*Từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng*	*01 tỷ đồng*
5	*Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng*	*10 tỷ đồng*
6	*Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng*	*100 tỷ đồng*
7	*Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng*	*150 tỷ đồng*
8	*Từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 40.000 tỷ đồng*	*200 tỷ đồng*
9	*Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng*	*250 tỷ đồng*
10	*Từ 50.000 tỷ đồng trở lên*	*300 tỷ đồng*

Doanh thu dịch vụ viễn thông được phân chia theo 04 loại tương ứng với 04 loại mạng viễn thông công cộng, bao gồm:

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định mặt đất;

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh;

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất;

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động vệ tinh."

b) Vướng mắc phát sinh và kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ

- Theo công văn số 7595/BKHCN-CVT của Bộ Khoa học và Công nghệ; công văn số 366/CVT-KT của Cục Viễn thông và công văn số 902/2025/VIA của Hiệp hội Internet Việt Nam thì:

(i) Khoảng cách giữa các bậc thu theo bảng mức thu phí tại Thông tư 52 nêu trên còn khá rộng (đặc biệt là nhóm doanh nghiệp có bậc doanh thu ở mức trung bình - nhóm bậc 4, 5 và 6 từ 100 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng/năm phải nộp 1 hoặc 10 hoặc 100 tỷ đồng tiền phí/năm), dẫn tới trong cùng một khung thu phí, có doanh nghiệp sẽ phải nộp cùng một mức với doanh nghiệp có doanh thu lớn hơn nhiều lần trong cùng một khung/bậc là chưa đảm bảo công bằng; đồng thời phát sinh tình trạng tăng phí đột ngột khi doanh nghiệp vượt ngưỡng doanh thu, gây áp lực tài chính, khó khăn và chưa công bằng cho doanh nghiệp.

(ii) Theo quy định tại Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (năm 2023) thì doanh thu dịch vụ viễn thông làm căn cứ tính phí hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông được xác định theo doanh thu ghi nhận kế toán, không còn áp dụng cơ chế doanh thu chênh lệch có khấu trừ chi phí đầu vào như trước đây (theo Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2023 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông năm 2009). Việc chuyển đổi phương thức xác định doanh thu dẫn đến nghĩa vụ nộp phí của một số doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp mới được cấp phép, doanh nghiệp hoạt động theo mô hình bán lại tăng cao so với giai đoạn trước đây.

- Theo kiến nghị của Hiệp hội Internet Việt Nam thì việc áp dụng mức thu phí chung cho cả doanh nghiệp có hạ tầng viễn thông và doanh nghiệp không có hạ tầng viễn thông (doanh nghiệp mua lại dịch vụ viễn thông) cũng chưa đảm bảo công bằng, cạnh tranh, chưa phù hợp với chủ trương thúc đẩy khả năng tham gia thị trường, phát triển dịch vụ mới và mở rộng hệ sinh thái thị trường viễn thông, từ đó dẫn đến việc doanh nghiệp phải nộp phí theo từng bậc và giữa các các bậc với biên độ rộng trong Thông tư 52 gặp khó khăn.

Từ các vấn đề nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ và Hiệp hội Internet Việt Nam đề nghị sửa đổi Biểu mức quy mô doanh thu dịch vụ viễn thông và mức phí cung cấp dịch vụ viễn thông tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 52 theo hướng phân chia chi tiết thêm bậc doanh thu từ 100 tỷ đồng/năm đến dưới 50.000 đỷ đồng/năm (từ bậc 4 đến bậc 9), 6 bậc thành

22 bậc. Riêng nhóm doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu dưới 100 tỷ đồng/năm và từ 50.000 tỷ đồng/năm trở lên (thuộc bậc 1 đến bậc 3 và bậc 10) thì giữ như quy định hiện hành.

c) Ý kiến của Bộ Tài chính

(i) Theo số liệu Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp thì:

- Hiện có 128 doanh nghiệp được cấp 141 giấy phép hoạt động viễn thông trên cả nước thuộc diện nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư 52. Trong đó, có:

+ 88 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí ở mức thấp nhất (dưới 20 tỷ đồng/năm) và thuộc nhóm bậc 1, nộp phí ở mức tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chiếm 62,4% trong số doanhdiện nộp phí).

+ 18 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 2 (từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng/năm), nộp 250 triệu đồng/năm (chiếm tỷ lệ 12,7%)

+ 10 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 3 (từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng/năm), nộp 400 triệu đồng/năm (chiếm 7%).

+ 17 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 4 (từ 100 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng/năm), nộp 01 tỷ đồng/năm (chiếm 12%).

+ 03 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 5 (từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng/năm), nộp 10 tỷ đồng/năm (chiếm 2,1%).

+ 03 doanh nghiệp nộp 100 tỷ đồng/năm (chiếm 2,1%).

+ 01 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 7 (từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng/năm), nộp 150 tỷ đồng/năm (chiếm 0,7%).

+ Không có doanh nghiệp nào có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 8 và bậc 9 (từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng/năm), nộp 200 hoặc 250 tỷ đồng/năm (chiếm 0%).

+ 01 doanh nghiệp có ngưỡng doanh thu chịu phí bậc 10 (từ 50.000 tỷ đồng/năm trở lên), nộp 300 tỷ đồng/năm (chiếm 0,7%).

Qua số liệu trên cho thấy, đa số doanh nghiệp viễn thông (136/141 giấy phép hoạt động) có doanh thu dịch vụ ở mức thấp hoặc trung bình thuộc nhóm từ bậc 1 đến bậc 5. Chỉ có 05 doanh nghiệp có doanh dịch vụ ở mức cao từ bậc 6 đến bậc 10.

- Cả 128 doanh nghiệp đều chịu tác động của Thông tư 52 (có biến động tăng/giảm số tiền phí phải nộp - so sánh riêng quý I+II/2025 và quý III+IV/2025). Có trường hợp tăng số nộp nhiều nhất đến +456%; có trường hợp giảm số nộp nhiều nhất đến -91%.

(ii) Qua tổng hợp kinh nghiệm quốc tế (từ các nước: Thái Lan, Malaysia, Singapore và Ấn Độ trong đề án đề xuất ban hành Thông tư 52 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho thấy, cơ quan quản lý viễn thông của các quốc gia này đều thu lệ phí cấp phép khi nhận hồ sơ đề nghị cấp phép, thu phí hàng năm (gọi là

phí quyền hoạt động) đối với doanh nghiệp viễn thông. Việc thu phí tạo nguồn kinh phí hoạt động quản lý, điều tiết thị trường viễn thông cho các cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông. Cơ cấu lệ phí cấp phép và phí quyền hoạt động bao gồm các khoản thu cố định (ví dụ: lệ phí thẩm định cấp phép, lệ phí cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép) và phí quyền hoạt động viễn thông (là mức thu thay đổi hàng năm trên cơ sở một tỷ lệ phần trăm doanh thu dịch vụ viễn thông hoặc mức thu cố định của các doanh nghiệp được cấp phép). Như vậy, cách tiếp cận (cách thu) phí trong Thông tư 52 cũng như dự thảo nội dung sửa Thông tư này về bậc doanh thu chịu phí đảm bảo tính liên tục, công bằng, phù hợp với thực tiễn phát triển của thị trường viễn thông của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

(iii) Về tác động thu NSNN: Theo đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ thì dự kiến thu NSNN từ phí quyền hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông của năm 2025 theo Thông tư 52 là 808,6 tỷ đồng. Nếu sửa bậc doanh thu dịch vụ chịu phí như phương án đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ thì số thu phí dự kiến là 797,4 tỷ đồng (giảm 1,4%). Tuy nhiên, việc thực hiện mức thu phí theo Thông tư 52 (từ 1/7/2025) đã tăng thu so với năm trước đó (từ 735,9 tỷ đồng năm 2024 lên 808,6 tỷ đồng năm 2025, tăng 9,8%). Như vậy, xét tổng thể việc sửa đổi Thông tư 52 không ảnh hưởng đến giảm thu ngân sách, trong khi sự cần thiết sửa Thông tư này là nhằm xử lý bất cập về bậc doanh thu tính phí và đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp.

Bộ Tài chính nhận thấy việc đề xuất chia nhỏ bậc doanh thu tính phí (từ 10 bậc thành 26 bậc) đã cơ bản đáp ứng kiến nghị xử lý vướng mắc của doanh nghiệp, đảm bảo đồng đều và công bằng hơn giữa các doanh nghiệp có nhóm doanh thu cao - thấp khác nhau, đồng thời đã thu hẹp sự chênh lệch về doanh thu và số phí phải nộp tương ứng trong cùng bậc hoặc giữa các bậc.

Vì vậy, căn cứ quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Viễn thông năm 2023, Bộ Tài chính sửa đổi Biểu mức thu phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông theo hướng chia nhỏ hơn bậc doanh thu để áp dụng mức phí tại Thông tư 52 từ 10 bậc thành 26 bậc, trong đó, tập trung hơn ở bậc 5 (thành 9 bậc nhỏ) và bậc 6 (thành 5 bậc nhỏ) có quy mô doanh thu ở mức trung bình nhưng chịu tác động lớn về sự chênh lệch số phí phải nộp theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2. Về kê khai, nộp phí, lệ phí của người nộp, tổ chức thu phí, lệ phí và quản lý, sử dụng tiền phí thu được

Tại Thông tư 52 có quy định về kê khai, nộp phí, lệ phí của người nộp, tổ chức thu phí, lệ phí và quản lý, sử dụng tiền phí thu được căn cứ theo Luật NSNN năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (được sửa đổi bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP) và trích dẫn Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, các văn bản này đã được thay thế bởi Luật

NSNN năm 2025 và Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức thi hành Luật Phí và lệ phí.

Vì vậy, để đảm bảo đồng về các nội dung liên quan đã được quy định tại Luật NSNN và Nghị định số 362/2025/NĐ-CP nêu trên, Bộ Tài chính sửa đổi các nội dung này tại Thông tư 52 (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5; Điều 6 và bãi bỏ Điều 7 về quản lý và sử dụng phí) tương tự các Thông tư về phí và lệ phí khác đã được Bộ Tài chính ban hành từ tháng 1/2026. Cụ thể tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 dự thảo Thông tư như sau:

"1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

"4. Người nộp phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Kê khai, nộp phí, lệ phí của tổ chức thu

Tổ chức thu phí, lệ phí nộp 100% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu phí, lệ phí khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.""

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỆU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Dự thảo Thông tư chỉ sửa đổi mức thu phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông để xử lý vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật phí, lệ phí; pháp luật chuyên ngành viễn thông; pháp luật về quản lý thuế và ngân sách nhà nước; hoạt động tổ chức thu, nộp phí vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của cơ quan cung cấp dịch vụ; không phát sinh thêm nguồn lực, tài chính cho việc tổ chức thực hiện.

3. Thời gian ban hành: Theo trình tự, thủ tục thông thường theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

BỘ TÀI CHÍNH